

Số: **106** /TTr-UBND

Hải Phòng, ngày **08** tháng **4** năm 2026

TỜ TRÌNH

Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2026

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công thành phố Hải Phòng năm 2026;

Xét đề xuất của Sở Tài chính tại Văn bản số 120/TTr-STC ngày 03/4/2026, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2026, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

1. Tình hình phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2026

- Tại Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố, tổng nguồn đầu tư công của thành phố Hải Phòng năm 2026 nguồn ngân sách thành phố là 36.791,5 tỷ đồng. Cụ thể như sau:



- + Nguồn xây dựng cơ bản tập trung: 6.114,7 tỷ đồng.
- + Nguồn thu tiền sử dụng đất: 28.960 tỷ đồng.
- + Nguồn xổ số kiến thiết: 123 tỷ đồng.
- + Nguồn vốn vay: 1.367,8 tỷ đồng. Trong đó: vay trái phiếu chính quyền địa phương là 1.094 đồng.
- + Nguồn đóng góp của các doanh nghiệp: 50 tỷ đồng.
- + Nguồn thoái vốn doanh nghiệp nhà nước: 176 tỷ đồng.

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 5068/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 về việc giao kế hoạch các nguồn vốn đầu tư công năm 2026.

2. Tình hình giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026

2.1. Chỉ đạo việc thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026

Ủy ban nhân dân thành phố đã chỉ đạo về công tác giải ngân vốn đầu tư công năm 2026 tại nhiều Văn bản như: Kế hoạch số 356/KH-UBND ngày 31/12/2025; Thông báo số 14/TB-VP ngày 12/01/2026; Thông báo số 505/TB-VP ngày 13/01/2026; Thông báo số 30/TB-VP ngày 30/01/2026; Thông báo 36/TB-VP ngày 05/02/2026; Thông báo số 44/TB-VP ngày 10/02/2026; Thông báo số 59/TB-VP ngày 25/02/2026; Thông báo số 75/TB-VP ngày 06/3/2026.

2.2. Kết quả giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026

Lũy kế vốn đầu tư công đã giải ngân đến hết Quý I/2024: 8.399 tỷ đồng, đạt 21,6% kế hoạch vốn giao, đạt 22,9% kế hoạch vốn không bao gồm 5% tiết kiệm theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và vốn ODA vay lại. Kết quả giải ngân này cao gấp khoảng 2 lần số giải ngân đầu tư công cùng kỳ năm ngoái (đến hết Quý I/2025, vốn đầu tư công chỉ giải ngân được khoảng 4.177 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 11,6% kế hoạch vốn giao). Đồng thời, theo báo cáo của Bộ Tài chính, lũy kế giải ngân vốn đầu tư công đến hết ngày 26/3/2026 của thành phố Hải Phòng là 7.013 tỷ đồng, đứng thứ nhất cả nước cùng tỉnh Cà Mau về tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công năm 2026.

3. Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm các đơn vị đề nghị bố trí vốn kế hoạch cho các dự án vượt quá thời gian cho phép gia hạn thời gian bố trí vốn theo quy định.

Thực hiện quy định của Luật Đầu tư công, Ủy ban nhân dân thành phố có Văn bản số 12838/VP-TC ngày 08/12/2025 giao các chủ đầu tư tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm về đề xuất bố trí vốn cho các dự án đã quá thời gian bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công.

II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

1. Thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch vốn giữa các dự án, giữa các cơ quan, đơn vị

- Tại khoản 7 Điều 71 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 (được sửa đổi bổ sung tại điểm a khoản 32 Điều 7 Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công), quy định:

“7. Hội đồng nhân dân các cấp điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương trong các trường hợp sau đây”

- a) Do điều chỉnh mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;
- b) Do thay đổi đột biến về cân đối thu ngân sách địa phương hoặc khả năng huy động các nguồn vốn của địa phương.”.

- Hiện nay có một số dự án đã có quyết định đầu tư, chưa được giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026, có nhu cầu bố trí vốn để thực hiện dự án. Các dự án chưa được Hội đồng nhân dân thành phố giao kế hoạch vốn năm 2026, do đó thẩm quyền bố trí vốn cho các dự án là của Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Sự cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2026

2.1. Điều chỉnh tổng nguồn đầu tư công năm 2026

- Điều chỉnh giảm 10.820 triệu đồng:

Tại Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026; Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về kế hoạch đầu tư

công thành phố năm 2026, thành phố dự kiến sẽ huy động từ nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho các dự án đầu tư công là 50.000 triệu đồng.

Tuy nhiên, đến nay thành phố chỉ có 03 dự án đầu tư công sử dụng nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; trong đó có 02 dự án đã quyết toán và 01 dự án đã hoàn thành đang thực hiện các thủ tục quyết toán dự án hoàn thành, các dự án chỉ huy động từ nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân là 39.180 triệu đồng.

Do đó, đề nghị điều chỉnh giảm 10.820 triệu đồng so với dự toán và kế hoạch đã giao.

2.2. Điều chỉnh kế hoạch vốn giữa các dự án

a) Có 09 dự án có nhu cầu điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 các dự án, với các lý do chủ yếu như sau:

- Các dự án đã quyết toán hoàn thành: 02 dự án.
- Dự án đã hoàn thành, giảm do dự kiến giá trị quyết toán A-B giảm: 06 dự án.
- Dự án đề nghị giảm vốn cho phù hợp với khối lượng và tiến độ thực hiện: 01 dự án.

b) Có 21 dự án có nhu cầu điều chỉnh tăng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026, với các lý do chủ yếu như sau:

- Thành phố phê duyệt quyết định đầu tư 06 dự án mới, như:
 - + Dự án phát triển thành phố Hải Phòng thích ứng với biến đổi khí hậu: được phê duyệt tại Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 18/02/2026.
 - + Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp tuyến đê Hữu Kinh Thày, đê Hữu Đá Bạc, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng: được phê duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-UBND, 07/01/2026.
 - + Dự án đầu tư xây dựng các công dưới đê xung yếu, thành phố Hải Phòng: được phê duyệt tại Quyết định số 47/QĐ-UBND, 07/01/2026.
 - + Cầu qua sông Bến Vạn nối từ phường Thành Đông đến xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng: được phê duyệt tại Quyết định số 665/QĐ-UBND, 13/02/2026.

+ Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mở rộng nhà ở cán bộ khu 2 tầng Ủy ban nhân dân huyện (nay là đặc khu Bạch Long Vĩ): được phê duyệt tại Quyết định số 723/QĐ-UBND, 02/3/2026.

+ Dự án quản lý theo chế độ mật giao Bộ Chỉ huy quân sự thành phố làm chủ đầu tư.

- Dự án có nhu cầu bổ sung vốn thanh toán chi phí xây lắp, tư vấn và giải phóng mặt bằng: 14 dự án.

- Một số dự án đã hoàn thành, quyết toán có nhu cầu thanh toán số vốn còn thiếu: 01 dự án (Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư - tái định cư thôn Mậu Tân, xã Cẩm Hưng).

3. Về thời gian bố trí vốn

Theo quy định tại Điều 57 Luật Đầu tư công năm 2024, được sửa đổi tại khoản 25, Điều 7 Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công: thời gian bố trí vốn dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C không quá 01 năm. Trường hợp dự án đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp đã gia hạn mà tiếp tục phải gia hạn, Ủy ban nhân dân kiểm điểm trách nhiệm, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với vốn ngân sách địa phương.

Trong đề xuất bổ sung kế hoạch vốn của các chủ đầu tư có các dự án nhóm B đã bố trí quá 05 năm, nhóm C đã bố trí quá 04 năm như: Dự án đầu tư xây dựng tuyến đê biển Nam Đình Vũ thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải (bắt đầu thực hiện từ năm 2011); Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư - tái định cư thôn Mậu Tân, xã Cẩm Hưng (bắt đầu thực hiện từ năm 2019).

Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố phải báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố cho phép gia hạn thời gian bố trí vốn các dự án đã vượt quá thời gian cho phép gia hạn theo quy định.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

III. ĐỀ XUẤT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Theo các quy định hiện hành và căn cứ nêu trên, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo, trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công thành phố Hải Phòng năm 2026.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định.//

(Gửi kèm Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố).

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT UBND TP;
- Các PCT UBNDTP;
- Ban KTNS - HĐND TP;
- VP ĐDBQH&HĐND TP;
- Sở TC;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các phòng: TC, TH;
- Lưu: VT, L.T.Anh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Quân

PHỤ LỤC I: TỔNG NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

(Kèm theo Tờ trình số **106** /TTr-UBND ngày **08** tháng 4 năm 2026
của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		Tăng/Giảm (+/-)
		Đã giao tại Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 11/12/2025	Điều chỉnh kỳ này	
I	Nguồn ngân sách	36.791.500	36.780.680	-10.820
1	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung	6.114.700	6.114.700	0
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	28.960.000	28.960.000	0
3	Nguồn xổ số kiến thiết	123.000	123.000	0
4	Vốn vay, bao gồm:	1.367.800	1.367.800	0
-	Vay lại ODA	273.800	273.800	0
-	Trái phiếu Chính quyền địa phương	1.094.000	1.094.000	0
5	Nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật	50.000	39.180	-10.820
6	Chi từ nguồn thoái vốn doanh nghiệp nhà nước	176.000	176.000	0

PHỤ LỤC II: PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

(Kèm theo Tờ trình số **106** /TTr-UBND ngày **08** tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		Tăng/Giảm (+/-)
		Đã giao tại Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 11/12/2025	Điều chỉnh kỳ này	
I	Nguồn ngân sách thành phố	36.791.500	36.780.680	-10.820
1	Ghi thu ghi chi tiền sử dụng đất và tiền thuê đất	1.050.000	1.050.000	0
2	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới và nguồn cấp dưới được điều tiết	6.166.027	6.166.027	0
2.1	Chi đầu tư từ nguồn ngân sách cấp dưới được điều tiết và đầu tư cơ sở hạ tầng, kinh phí giải phóng mặt bằng	2.641.294	2.641.294	0
2.3	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp xã	3.524.733	3.524.733	0
3	Các dự án Xây dựng nông thôn mới thành phố quản lý	570.106	570.106	0
4	Cấp vốn ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay ưu đãi	1.000.000	1.000.000	0
5	Bố trí vốn cho các dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng (đoạn qua địa bàn Hải Phòng)	3.803.701	3.803.701	0
6	Bố trí vốn cho các dự án thành phố quản lý	22.362.091	22.351.812	-10.279
7	Tiết kiệm 5% theo chi đạo của Trung ương	1.839.575	1.839.034	-541

PHỤ LỤC III: DANH MỤC BÁO CÁO NHU CẦU BỔ TRÍ VỐN ODA VAY LẠI NĂM 2026

(Kèm theo Tờ trình số **106** /TTr-UBND ngày **08** tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư						Lũy kế vốn đã bố trí hết năm 2025		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ODA vay lại		Ghi chú
			Tổng cộng	NSTW		NSTP			Tổng cộng	NSTP	Tổng số	ODA vay lại	
				Tổng số	ODA cấp phát	Tổng số	ODA vay lại	NSTP bố trí					
	TỔNG SỐ		9.908.168	1.962.101	1.962.101	7.946.067	4.578.235	3.367.832	35.000	35.000	238.933	238.933	
1	Dự án Phát triển thành phố Hải Phòng thích ứng với biến đổi khí hậu, vay vốn WB	679/QĐ-UBND, 18/02/2026	9.908.168	1.962.101	1.962.101	7.946.067	4.578.235	3.367.832	35.000	35.000	238.933	238.933	

PHỤ LỤC IV: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THÀNH PHỐ CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN TRƯỚC SANG GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Tờ trình số 106 /TTr-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Năm đầu tiên bố trí vốn thực hiện DA (không tính thời gian bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư				Dự kiến lũy kế vốn giải ngân đến hết 31/01/2026				Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2026								
				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao			Kế hoạch vốn điều chỉnh				
					Tổng số	Ngân sách Trung ương	Nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và nguồn vốn khác		Ngân sách Trung ương	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật		Tổng số	Bao gồm:		Tổng số	Bao gồm:		Chênh lệch (Tăng/Giảm)	
						NSTW trong nước								Ngân sách thành phố	Ngân sách thành phố		Ngân sách thành phố	Ngân sách thành phố	Tăng	Giảm
CÁC DỰ ÁN THÀNH PHỐ QUẢN LÝ																				
1	Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, Trường Tiểu học Hồng Phong, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	UBND xã Ninh Giang	2024	100/QĐ-STC ngày 30/1/2026	5.002,409	213.156,000	11.028.928,664	771.346,000	6.669.474,208	213.025,587	5.800.392,648	656.055,974	2.876.627,820	2.869.376,916	7.250,904	2.814.360,674	2.775.181,281	39.179,393	122.903,011	-185.170,157
2	Xây dựng Nhà đa năng Trường Mầm non Nghĩa An, huyện Ninh Giang	UBND xã Ninh Giang	2024	101/QĐ-STC ngày 30/01/2026	5.057,338		57,338	5.000,000	1.500,000			1.500,000	4.000,000	500,000	3.500,000	3.557,338	57,338	3.500,000		-442,662
3	Dự án đường nối từ đường Nguyễn Lương Bằng với đường Trần Nhân Tông, quận Kiến An	UBND phường Kiến An		600/QĐ-UBND, 08/3/2023; 4122/QĐ-UBND, 12/11/2024; 2556/QĐ-UBND, 30/6/2025	408.018,00		408.018,00		377.512,412		377.512,412		31.814,918	31.814,918		11.814,918	11.814,918			-20.000,000
4	Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bãi Viên		2020 - 2025	709/QĐ-UBND, 21/3/2023; 3247/QĐ-UBND, 16/9/2024;	8.593.119,000	0,000	8.593.119,000		3.679.107,48		3.679.107,48		2.810.829,000	2.810.829,000		2.659.000,000	2.659.000,000			-151.829,000
5	Xây dựng hệ thống thoát nước từ đường Phan Đăng Lưu qua đường Hoàng Quốc Việt ra sông Lạch Tray			531/QĐ-UBND ngày 03/4/2023	46.715,79		46.715,79		35.525,26		35.525,26		6.000,000	6.000,000		1.000,000	1.000,000			-5.000,000
6	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống kỹ thuật khu tái định cư tại tổ dân phố Phương Khê, phường Đồng Hòa, quận Kiến An			2266/QĐ-UBND, 12/7/2022; 452/QĐ-UBND, 21/02/2025	86.971,00		86.971,00		45.473,00		45.473,00		10.602,500	10.602,500		5.602,500	5.602,500			-5.000,000
7	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Nhội, phường Văn Đẩu			781/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	14.500,00		14.500,00		12.513,47		12.513,47		1.986,529	1.986,529		1.386,529	1.386,529			-600,000
8	Cải tạo, nâng cấp đường Đồng Quy, phường Bắc Hà			789/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	19.850,71		19.850,71		14.206,93		14.206,93		5.643,776	5.643,776		4.143,776	4.143,776			-1.500,000
9	Cải tạo, nâng cấp đường Đâu Phương, phường Văn Đẩu			780/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	3.941,65		3.941,65		2.541,45		2.541,45		1.400,193	1.400,193		1.200,193	1.200,193			-200,000
10	Bảo tồn Khu di tích lịch sử - văn hóa Côn Sơn - Kiếp Bạc gắn với phát triển du lịch	BQL DA ĐTXD công trình NN và PTNT	2025	3424/QĐ-UBND; 26/12/2024; 4748/QĐ-UBND; 25/11/2025	180.618,000	100.000,000	80.618,000	0,000	100.000,000	100.000,000	0,000	0,000	0,000	0,000		80.618,000	80.618,000		80.618,000	
11	Xây dựng hệ thống kỹ thuật điểm dân cư - tái định cư thôn Mậu Tân, xã Cẩm Hiệp	UBND phường Tứ Minh	2019	QĐ 660/QĐ-STC ngày 28/11/2025	12.593,048		12.593,048		12.312,036		12.312,036		0,000	0,000		281,012	281,012		281,012	
12	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Kim Tân, huyện Kim Thành	UBND xã Phú Thái	2025	3241/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	27.497,916		27.497,916		23.574,000		23.574,000		0,000	0,000		1.200,000	1.200,000		1.200,000	
13	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển vùng sản xuất rau, cây và nuôi trồng thủy sản tại xã Liên Hòa, huyện Kim Thành	UBND xã Phú Thái	2025	1177/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	16.608,000		16.608,000		12.982,000		12.982,000		0,000	0,000		686,000	686,000		686,000	
14	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đê biển Nam Đình Vũ thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải	Ban dân dự		953/QĐ-BQL, 20/12/2010; 2584/QĐ-UBND, 27/12/2013; 2131/QĐ-UBND, 02/8/2021; 4525/QĐ-UBND, 03/12/2024	2.284.038,000	113.156,000	1.409.536,000	761.346,000	2.072.813,862	113.025,587	1.306.482,301	653.305,974				31.929,393		31.929,393	31.929,393	
15	Đầu tư xây dựng Trường Mầm non Bắc Sơn (cơ sở 2)	UBND phường Kiến An		2349/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	14.925,20		14.925,20		14.050,00		14.050,00		0,000	0,000		100,000	100,000		100,000	
16	Xây dựng hoàn thiện Trường Mầm non Bắc Sơn (cơ sở 2)	UBND phường Kiến An		686/QĐ-UBND ngày 06/5/2024	8.249,82		8.249,82		7.780,00		7.780,00		0,000	0,000		100,000	100,000		100,000	
17	Xây dựng nhà lớp học 4 tầng Trường Tiểu học Đồng Hòa	UBND phường Kiến An		3295/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	14.967,42		14.967,42		12.777,50		12.777,50		0,000	0,000		200,000	200,000		200,000	
18	Xây dựng nhà lớp học, chức năng 2 tầng trên móng 4 tầng Trường THCS Bắc Sơn và các hạng mục phụ trợ	UBND phường Kiến An		3296/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	14.988,69		14.988,69		13.970,00		13.970,00		0,000	0,000		100,000	100,000		100,000	
19	Xây dựng tầng 3, tầng 4 nhà lớp học chức năng 04 tầng Trường THCS Bắc Sơn và các hạng mục phụ trợ	UBND phường Kiến An		2969/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	14.900,18		14.900,18		11.670,00		11.670,00		0,000	0,000		150,000	150,000		150,000	



STT	Tên chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Năm đầu tiên bố trí vốn thực hiện DA (không tính thời gian bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư				Dự kiến lũy kế vốn giải ngân đến hết 31/01/2026			Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2026								
				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Kế hoạch vốn đã giao		Kế hoạch vốn điều chỉnh					
					Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách thành phố		NSTW trong nước	NSTW trong nước		Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật	Bao gồm:		Bao gồm:		Chính sách (Tăng/Giảm)	
						Ngân sách thành phố								Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật	Tổng số	Ngân sách thành phố	Ngân sách thành phố	Tăng
20	Xây dựng nhà lớp học, chiếu nắng 02 tầng trên móng 04 tầng Trường Tiểu học Ngọc Sơn và các hạng mục phụ trợ	UBND phường Kiến An	2970/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	14.880,87		14.880,87		14.240,00		14.240,00	0,000	0,000		300,000	300,000		300,000		
21	Mở rộng, nâng cấp hạ tầng giao thông tại nút giao thông ngã 5 Kiến An đoạn từ đường Trần Văn đến đường Nguyễn Lương Bằng, quận Kiến An	UBND phường Kiến An	424/QĐ-UBND ngày 27/3/2024	6.034,92		6.034,92		5.887,42		5.887,42	0,000	0,000		100,000	100,000		100,000		
22	Đầu tư giải quyết sử dụng đất tại phường Văn Đẩu	UBND phường Kiến An	158/QĐ-UBND, ngày 01/02/2024	129.442,72		129.442,72		124.595,23		124.595,23	0,000	0,000		38,606	38,606		38,606		
23	Vườn hoa hồ Hạnh Phúc, phường Trần Thành Ngọ, quận Kiến An	UBND phường Kiến An	2679/QĐ-UBND ngày 06/9/2023	79.970,00		79.970,00		63.861,65		63.861,65	0,000	0,000		7.000,000	7.000,000		7.000,000		
24	Vườn hoa phường Nam Sơn, quận Kiến An	UBND phường Kiến An	2938/QĐ-UBND, 28/9/2023; 884/QĐ-UBND, 12/03/2025	10.540,00		10.540,00		9.330,50		9.330,50	0,000	0,000		100,000	100,000		100,000		

PHỤ LỤC V: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THÀNH PHỐ KHÔI CÔNG MỚI NĂM 2026

(Kèm theo Tờ trình số 106 /TTr-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư		Lũy kế vốn giải ngân đến hết 31/01/2026		Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2026					
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó	Kế hoạch vốn đã giao		Kế hoạch vốn điều chỉnh		Tăng
			Tổng số	Ngân sách thành phố		Ngân sách thành phố	Tổng số	Ngân sách thành phố	Tổng số	Ngân sách thành phố	
	TỔNG SỐ		844.202,959	844.192,959	7.060,000	7.060,000	0,000	0,000	51.988,428	51.988,428	51.988,428
A	CÁC DỰ ÁN THÀNH PHỐ QUẢN LÝ		844.202,959	844.192,959	7.060,000	7.060,000	0,000	0,000	51.988,428	51.988,428	51.988,428
1	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp tuyến đê Hữu Kinh Thủy, đê Hữu Đá Bạc, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	QĐ 46/QĐ-UBND ngày 07/01/2026	356.659,009	356.659,009	2.900,00	2.900,00	0,00	0,00	12.000,000	12.000,000	12.000,000
2	Dự án đầu tư xây dựng các cống dưới đê xung yếu, thành phố Hải Phòng	QĐ 47/QĐ-UBND ngày 07/01/2026	449.264,000	449.264,000	4.160,00	4.160,00	0,00	0,00	12.950,000	12.950,000	12.950,000
3	Cầu qua sông Bến Vạn nối từ phường Thành Đông đến xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng	QĐ 665/QĐ-UBND ngày 13/02/2026	16.279,950	16.269,950	0,00	0,00	0,00	0,00	5.288,428	5.288,428	5.288,428
4	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mở rộng nhà ở cán bộ khu 2 tầng Ủy ban nhân dân huyện (nay là đặc khu Bạch Long Vĩ)	723/QĐ-UBND, 02/3/2026	6.000,00	6.000,00					5.750,000	5.750,000	5.750,000
5	Dự án quản lý theo chế độ mật		16.000,00	16.000,00					16.000,00	16.000,00	16.000,00

Số: /NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày tháng 3 năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2026;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2026; các Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2026 các dự án

1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2026 các dự án, chi tiết tại các Phụ lục kèm theo.

2. Gia hạn thời gian vốn thực hiện dự án đối với các dự án đã vượt quá thời gian theo quy định đối với các dự án bố trí vốn năm 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này bảo đảm đúng các quy định của pháp luật về đầu tư công, các quy định liên quan đến sắp xếp, tinh gọn tổ chức, bộ máy và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, không thất thoát ngân sách nhà nước.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khóa XVI, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu (Quốc hội);
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND TP khóa XVI;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Kho bạc Nhà nước khu vực III;
- TT ĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH HP, Công báo thành phố;
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, ĐT.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

PHỤ LỤC I: TỔNG NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		Tăng/Giảm (+/-)
		Đã giao tại Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 11/12/2025	Điều chỉnh kỳ này	
I	Nguồn ngân sách	36.791.500	36.780.680	-10.820
1	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung	6.114.700	6.114.700	0
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	28.960.000	28.960.000	0
3	Nguồn xổ số kiến thiết	123.000	123.000	0
4	Vốn vay, bao gồm:	1.367.800	1.367.800	0
-	Vay lại ODA	273.800	273.800	0
-	Trái phiếu Chính quyền địa phương	1.094.000	1.094.000	0
5	Nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật	50.000	39.180	-10.820
6	Chi từ nguồn thoái vốn doanh nghiệp nhà nước	176.000	176.000	0

PHỤ LỤC II: PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		Tăng/Giảm (+/-)
		Đã giao tại Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 11/12/2025	Điều chỉnh kỳ này	
I	Nguồn ngân sách thành phố	36.791.500	36.780.680	-10.820
1	Ghi thu ghi chi tiền sử dụng đất và tiền thuê đất	1.050.000	1.050.000	0
2	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới và nguồn cấp dưới được điều tiết	6.166.027	6.166.027	0
2.1	Chi đầu tư từ nguồn ngân sách cấp dưới được điều tiết và đầu tư cơ sở hạ tầng, kinh phí giải phóng mặt bằng	2.641.294	2.641.294	0
2.3	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp xã	3.524.733	3.524.733	0
3	Các dự án Xây dựng nông thôn mới thành phố quản lý	570.106	570.106	0
4	Cấp vốn ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay ưu đãi	1.000.000	1.000.000	0
5	Bổ trí vốn cho các dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng (đoạn qua địa bàn Hải Phòng)	3.803.701	3.803.701	0
6	Bổ trí vốn cho các dự án thành phố quản lý	22.362.091	22.351.812	-10.279
7	Tiết kiệm 5% theo chỉ đạo của Trung ương	1.839.575	1.839.034	-541

PHỤ LỤC III: DANH MỤC BÁO CÁO NHU CẦU BỐ TRÍ VỐN ODA VAY LẠI NĂM 2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư						Lũy kế vốn đã bố trí hết năm 2025		Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ODA vay lại		Ghi chú
			Tổng cộng	NSTW		NSTP			Tổng cộng	NSTP	Tổng số	ODA vay lại	
				Tổng số	ODA cấp phát	Tổng số	ODA vay lại	NSTP bố trí					
	TỔNG SỐ		9.908.168	1.962.101	1.962.101	7.946.067	4.578.235	3.367.832	35.000	35.000	238.933	238.933	
1	Dự án Phát triển thành phố Hải Phòng thích ứng với biến đổi khí hậu, vay vốn WB	679/QĐ-UBND, 18/02/2026	9.908.168	1.962.101	1.962.101	7.946.067	4.578.235	3.367.832	35.000	35.000	238.933	238.933	

PHỤ LỤC IV: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THÀNH PHỐ CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN TRƯỚC SANG GIAI ĐOẠN 2026-2030

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Năm đầu tiên bố trí vốn thực hiện DA (không tính thời gian bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư				Dự kiến lấy kế vốn giải ngân đến hết 31/01/2026				Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2026								
				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó			Kế hoạch vốn đã giao			Kế hoạch vốn điều chỉnh					
					Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách thành phố		Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật	Tổng số	Bao gồm:		Tổng số	Bao gồm:		Chênh lệch (Tăng/Giảm)	
						NSTW trong nước								Ngân sách thành phố	Ngân sách thành phố		Nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật	Tăng	Giảm	
CÁC DỰ ÁN THÀNH PHỐ QUẢN LÝ					12.013.430,664	213.156,000	11.028.928,664	771.346,000	6.669.474,208	213.025,587	5.800.392,648	656.055,974	2.876.627,820	2.869.376,916	7.250,904	2.814.360,674	2.775.181,281	39.179,393	122.903,011	-185.170,157
1	Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, Trường Tiểu học Hồng Phong, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	UBND xã Ninh Giang	2024	100/QĐ-STC ngày 30/1/2026	5.002,409		2.409	5.000,000	1.250,000			1.250,000	4.350,904	600,000	3.750,904	3.752,409	2.409	3.750,000		-598,495
2	Xây dựng Nhà đa năng Trường Mầm non Nghĩa An, huyện Ninh Giang	UBND xã Ninh Giang	2024	101/QĐ-STC ngày 30/01/2026	5.057,338		57,338	5.000,000	1.500,000			1.500,000	4.000,000	500,000	3.500,000	3.557,338	57,338	3.500,000		-442,662
3	Dự án đường nối từ đường Nguyễn Lương bằng với đường Trần Nhân Tông, quận Kiến An	UBND phường Kiến An		600/QĐ-UBND, 08/3/2023; 4122/QĐ-UBND, 12/11/2024; 2556/QĐ-UBND, 30/6/2025	408.018,00		408.018,00		377.512,412			377.512,412	31.814,918	31.814,918		11.814,918	11.814,918			-20.000,000
4	Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bãi Vện		2020 - 2025	709/QĐ-UBND, 21/3/2023; 3247/QĐ-UBND, 16/9/2024	8.593.119,000	0,000	8.593.119,000		3.679.107,48			3.679.107,48	2.810.829,000	2.810.829,000		2.659.000,000	2.659.000,000			-151.829,000
5	Xây dựng hệ thống thoát nước từ đường Phan Đăng Lưu qua đường Hoàng Quốc Việt ra sông Lạch Tray			531/QĐ-UBND ngày 03/4/2023	46.715,79		46.715,79		35.525,26			35.525,26	6.000,000	6.000,000		1.000,000	1.000,000			-5.000,000
6	Dự án đầu tư xây dựng hệ tăng kỹ thuật khu tái định cư tại tổ dân phố Phương Khê, phường Đồng Hòa, quận Kiến An			2266/QĐ-UBND, 12/7/2022; 452/QĐ-UBND, 21/02/2025	86.971,00		86.971,00		45.473,00			45.473,00	10.602,500	10.602,500		5.602,500	5.602,500			-5.000,000
7	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Nhội, phường Văn Đẩu			781/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	14.500,00		14.500,00		12.513,47			12.513,47	1.986,529	1.986,529		1.386,529	1.386,529			-600,000
8	Cải tạo, nâng cấp đường Đồng Quy, phường Bắc Hà			789/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	19.850,71		19.850,71		14.206,93			14.206,93	5.643,776	5.643,776		4.143,776	4.143,776			-1.500,000
9	Cải tạo, nâng cấp đường Đâu Phương, phường Văn Đẩu			780/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	3.941,65		3.941,65		2.541,45			2.541,45	1.400,193	1.400,193		1.200,193	1.200,193			-200,000
10	Bảo tồn Khu di tích lịch sử - văn hóa Côn Sơn - Kiếp Bạc gắn với phát triển du lịch	BQL DA DTXD công trình NN và PTNT	2025	3424/QĐ-UBND; 26/12/2024 4748/QĐ-UBND; 25/11/2025	180.618,000	100.000,000	80.618,000	0,000	100.000,000	100.000,000	0,000	0,000	0,000	0,000		80.618,000	80.618,000		80.618,000	
11	Xây dựng hệ tăng kỹ thuật điểm dân cư - tái định cư thôn Mậu Tân, xã Cẩm Hưng	UBND phường Tứ Minh	2019	QĐ 660/QĐ-STC ngày 28/11/2025	12.593,048		12.593,048		12.312,036			12.312,036	0,000	0,000		281,012	281,012		281,012	
12	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Kim Tân, huyện Kim Thành	UBND xã Phú Thái	2025	3241/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	27.497,916		27.497,916		23.574,000			23.574,000	0,000	0,000		1.200,000	1.200,000		1.200,000	
13	Cải tạo, nâng cấp hệ tăng kỹ thuật phục vụ phát triển vùng sản xuất rau, cây và nuôi trồng thủy sản tại xã Liên Hòa, huyện Kim Thành	UBND xã Phú Thái	2025	1177/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	16.608,000		16.608,000		12.982,000			12.982,000	0,000	0,000		686,000	686,000		686,000	
14	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đê biển Nam Đình Vũ thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải	Ban dân dựng		955/QĐ-BQL, 20/12/2010; 2584/QĐ-UBND, 27/12/2013; 2131/QĐ-UBND, 02/8/2021; 4525/QĐ-UBND, 03/12/2024	2.284.038,000	113.156,000	1.409.536,000	761.346,000	2.072.813,862	113.025,587	1.306.482,301	653.305,974				31.929,393		31.929,393	31.929,393	
15	Đầu tư xây dựng Trường Mầm non Bắc Sơn (cơ sở 2)	UBND phường Kiến An		2349/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	14.925,20		14.925,20		14.050,00			14.050,00	0,000	0,000		100,000	100,000		100,000	
16	Xây dựng hoàn thiện Trường Mầm non Bắc Sơn (cơ sở 2)	UBND phường Kiến An		686/QĐ-UBND ngày 06/5/2024	8.249,82		8.249,82		7.780,00			7.780,00	0,000	0,000		100,000	100,000		100,000	
17	Xây dựng nhà lớp học 4 tầng Trường Tiểu học Đồng Hòa	UBND phường Kiến An		3295/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	14.967,42		14.967,42		12.777,50			12.777,50	0,000	0,000		200,000	200,000		200,000	
18	Xây dựng nhà lớp học, chôn móng 2 tầng trên móng 4 tầng Trường THCS Bắc Sơn và các hạng mục phụ trợ	UBND phường Kiến An		3296/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	14.988,69		14.988,69		13.970,00			13.970,00	0,000	0,000		100,000	100,000		100,000	
19	Xây dựng tầng 3, tầng 4 nhà lớp học chôn móng 04 tầng Trường THCS Bắc Sơn và các hạng mục phụ trợ	UBND phường Kiến An		2969/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	14.900,18		14.900,18		11.670,00			11.670,00	0,000	0,000		150,000	150,000		150,000	
20	Xây dựng nhà lớp học, chôn móng 02 tầng trên móng 04 tầng Trường Tiểu học Ngọc Sơn và các hạng mục phụ trợ	UBND phường Kiến An		2970/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	14.880,87		14.880,87		14.240,00			14.240,00	0,000	0,000		300,000	300,000		300,000	
21	Mở rộng, nâng cấp hệ tăng giao thông tại nút giao thông ngã 5 Kiến An đoạn từ đường Trần Văn Đẩu đường Nguyễn Lương Bằng, quận Kiến An	UBND phường Kiến An		424/QĐ-UBND ngày 27/3/2024	6.034,92		6.034,92		5.887,42			5.887,42	0,000	0,000		100,000	100,000		100,000	

STT	Tên chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Năm đầu tiên bố trí vốn thực hiện DA (không tính thời gian bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư				Dự kiến lity kế vốn giải ngân đến hết 31/01/2026			Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2026								
				Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó		Kế hoạch vốn đã giao			Kế hoạch vốn điều chỉnh					
				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và nguồn vốn khác		Ngân sách Trung ương	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật	Tổng số	Bao gồm:		Tổng số	Bao gồm:		Chênh lệch (Tăng/Giảm)	
						NSTW trong nước							Ngân sách thành phố	Ngân sách thành phố		Ngân sách thành phố	Ngân sách thành phố	Tăng	Giảm
22	Đầu tư giải quyết sử dụng đất tại phường Văn Dấu	UBND phường Kiến An	158/QĐ-UBND, ngày 01/02/2024	129.442,72		129.442,72		124.595,23		0,000	0,000		38,606	38,606		38,606			
23	Vườn hoa hồ Hạnh Phúc, phường Trần Thánh Ngo, quận Kiến An	UBND phường Kiến An	2679/QĐ-UBND ngày 06/9/2023	79.970,00		79.970,00		63.861,65		0,000	0,000		7.000,000	7.000,000		7.000,000			
24	Vườn hoa phường Nam Sơn, quận Kiến An	UBND phường Kiến An	2938/QĐ-UBND, 28/9/2023; 884/QĐ-UBND, 12/03/2025	10.540,00		10.540,00		9.330,50		0,000	0,000		100,000	100,000		100,000			



PHỤ LỤC V: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THÀNH PHỐ KHÔI CÔNG MỚI NĂM 2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên chương trình, dự án	Quyết toán dự án/Quyết định phê duyệt dự án/Dự toán chuẩn bị đầu tư		Lũy kế vốn giải ngân đến hết 31/01/2026		Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2026					
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó	Kế hoạch vốn đã giao		Kế hoạch vốn điều chỉnh		Tăng
			Tổng số	Ngân sách thành phố		Ngân sách thành phố	Tổng số	Ngân sách thành phố	Tổng số	Ngân sách thành phố	
	TỔNG SỐ		844.202,959	844.192,959	7.060,000	7.060,000	0,000	0,000	51.988,428	51.988,428	51.988,428
A	CÁC DỰ ÁN THÀNH PHỐ QUẢN LÝ		844.202,959	844.192,959	7.060,000	7.060,000	0,000	0,000	51.988,428	51.988,428	51.988,428
1	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp tuyến đê Hữu Kinh Tháy, đê Hữu Đá Bạc, thành phố Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng	QĐ 46/QĐ-UBND ngày 07/01/2026	356.659,009	356.659,009	2.900,00	2.900,00	0,00	0,00	12.000,000	12.000,000	12.000,000
2	Dự án đầu tư xây dựng các cống dưới đê xung yếu, thành phố Hải Phòng	QĐ 47/QĐ-UBND ngày 07/01/2026	449.264,000	449.264,000	4.160,00	4.160,00	0,00	0,00	12.950,000	12.950,000	12.950,000
3	Cầu qua sông Bến Vạn nối từ phường Thành Đông đến xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng	QĐ 665/QĐ-UBND ngày 13/02/2026	16.279,950	16.269,950	0,00	0,00	0,00	0,00	5.288,428	5.288,428	5.288,428
4	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mở rộng nhà ở cán bộ khu 2 tầng Ủy ban nhân dân huyện (nay là đặc khu Bạch Long Vĩ)	723/QĐ-UBND, 02/3/2026	6.000,00	6.000,00					5.750,000	5.750,000	5.750,000
5	Dự án quản lý theo chế độ mật		16.000,00	16.000,00					16.000,00	16.000,00	16.000,00